

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HS-ST

Ngày: 05/5/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Hùng.

Ông Nguyễn Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Đại Phát - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2025/HSST ngày 05 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 23/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

TRẦN KIM H, sinh năm: 1955 tại tỉnh Bến Tre. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2 đường N, Phường 4, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn N (Chết) và bà Phạm Thị L (Chết); Có chồng và 03 con;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Bạch Thị Q, sinh năm: 1962; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)

2. Chị Lê Thị Thu H1, sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị L (tên gọi khác: A), sinh năm: 1967; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)

4. Chị Nguyễn Thị Phụng T (tên gọi khác: Th), sinh năm: 1962; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)
5. Chị Nguyễn Thị D (tên gọi khác: B), sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)
6. Chị Mai Thị Ph1, sinh năm: 1964; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)
7. Chị Nguyễn Thị S (tên gọi khác: Gái Th1), sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)
8. Chị Báo Thị Tr (tên gọi khác: D), sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)
9. Chị Mai Thị Ch, sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)
10. Chị Nguyễn Thị Ngọc Ph (tên gọi khác: Th2), sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)
11. Anh Bùi Minh Th, sinh năm: 1962; Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Kim H tham gia chơi huê do bà Lê Thị Thu H trú tại thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận làm chủ huê. Quá trình chơi huê, biết những người chơi huê có nhu cầu vay tiền đóng huê nên H cho vay tiền lấy lãi, hình thức vay như sau: Người vay phải trả góp tiền vay và tiền lãi của khoản vay trong 30 ngày với số tiền góp là 100.000 đồng/ngày/2.600.000 đồng tiền vay, người vay không phải thế chấp, cầm cố giấy tờ, tài sản, trường hợp người vay chưa trả xong mà muốn đáo hạn khoản vay thì khi nhận tiền vay đáo hạn phải trả đủ tiền gốc và lãi của khoản vay trước. Lúc 21 giờ ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận, Tổ tuần tra Công an huyện T tuần tra phát hiện bà Trần Kim H có cất giấu 01 cuốn sổ tay ghi chép việc cho vay tiền lấy lãi triệu tập làm việc. Kết quả điều tra xác định từ ngày 11/6/2024 đến ngày 23/8/2024, Trần Kim H thỏa thuận cho 10 người vay tiền với tổng số tiền gốc cho vay là 106.600.000 đồng, lãi suất từ 187,18%/năm đến 935,90%/năm, thu lợi bất chính 31.153.096 đồng. Cụ thể:

1. Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 13/8/2024, H cho bà Bạch Thị Q, sinh ngày 01/01/1962, trú tại thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận, vay 03 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 15.600.000 đồng, lãi suất 187,18%/năm, thu lợi 5.520.000 đồng (trong

đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 589.808 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 4.930.192 đồng). Bà Bạch Thị Q còn nợ 10.920.000 đồng tiền gốc.

2. Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 15/7/2024, H cho bà Lê Thị Thu H, sinh ngày 01/01/1981, trú tại thôn L, xã S, huyện B, tỉnh Ninh Thuận (tạm trú tại thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận), vay 08 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 18.200.000 đồng, lãi suất từ 187,18%/năm đến 701,92%/năm, thu lợi 5.440.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 581.260 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 4.858.740 đồng). Bà Lê Thị Thu H còn nợ 8.840.000 đồng tiền gốc.

3. Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 14/7/2024, H cho bà Nguyễn Thị L (tên gọi khác: A), sinh ngày 10/10/1967, trú tại thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận, vay 11 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 15.600.000 đồng, lãi suất từ 510,49%/năm đến 802,20%/năm, thu lợi 8.000.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 854.795 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 7.145.205 đồng). Bà Nguyễn Thị L còn nợ 15.600.000 đồng tiền gốc.

4. Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 28/6/2024, H cho bà Nguyễn Thị Phụng T (tên gọi khác: Th), sinh ngày 07/8/1962, trú tại thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận, vay 05 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 10.400.000 đồng, lãi suất từ 701,92%/năm đến 935,90%/năm, thu lợi 2.400.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 256.438 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 2.143.562 đồng). Bà Nguyễn Thị Phụng T còn nợ 10.400.000 đồng tiền gốc.

5. Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 04/7/2024, H cho bà Nguyễn Thị D (tên gọi khác: B), sinh ngày 01/01/1970, trú tại thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận, vay 05 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 13.000.000 đồng, lãi suất từ 561,54%/năm đến 935,90%/năm, thu lợi 2.800.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 299.178 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 2.500.822 đồng). Bà Nguyễn Thị D còn nợ 13.000.000 đồng tiền gốc.

6. Từ ngày 20/6/2024 đến ngày 03/7/2024, H cho bà Mai Thị Ph, sinh ngày 01/01/1964, trú tại thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận, vay 05 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 7.800.000 đồng, lãi suất từ 561,54%/năm đến 802,20%/năm, thu lợi 2.000.000 đồng (trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 213.699 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 1.786.301 đồng). Bà Mai Thị Ph còn nợ 7.800.000 đồng tiền gốc.

7. Từ ngày 14/6/2024 đến ngày 30/6/2024, H cho bà Nguyễn Thị S (tên gọi khác: Gái Th1), sinh ngày 01/01/1968, trú tại thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh

Thuận, vay 04 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 5.200.000 đồng, lãi suất từ 330,32%/năm đến 623,93%/năm, thu lợi 800.000 đồng (*trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 85.479 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 714.521 đồng*). Bà Nguyễn Thị S còn nợ 5.200.000 đồng tiền gốc.

8. Từ ngày 13/6/2024 đến ngày 01/8/2024, H cho bà Báo Thị Tr (tên gọi khác: D), sinh ngày 01/01/1979, trú tại thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận, vay 06 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 10.400.000 đồng, lãi suất từ 187,18%/năm đến 401,10%/năm, thu lợi 5.120.000 đồng (*trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 547.068 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 4.572.932 đồng*). Bà Báo Thị Tr còn nợ 3.120.000 đồng tiền gốc.

9. Từ ngày 11/6/2024 đến ngày 03/7/2024, H cho bà Mai Thị Ch, sinh ngày 01/01/1971, trú tại thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận, vay 03 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 7.800.000 đồng, lãi suất từ 401,10%/năm đến 561,54%/năm, thu lợi 2.400.000 đồng (*trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 256.438 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 2.143.562 đồng*). Bà Mai Thị Ch còn nợ 7.800.000 đồng tiền gốc.

10. Từ ngày 05/7/2024 đến ngày 25/7/2024, H cho bà Nguyễn Thị Ngọc Ph (tên gọi khác: Th2), sinh ngày 01/01/1986, trú tại thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận, vay 02 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 2.600.000 đồng, lãi suất 280,77%/năm, thu lợi 400.000 đồng (*trong đó: Khoản thu lợi tương ứng với lãi suất 20%/năm là: 42.740 đồng; khoản thu lợi đối với lãi suất từ 20%/năm trở lên (thu lợi bất chính): 357.260 đồng*). Bà Nguyễn Thị Ngọc Ph còn nợ 2.600.000 đồng tiền gốc.

Tại bản Cáo trạng số: 20/CT-VKSTN ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận đã truy tố bị cáo Trần Kim H, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T giữ quyền công tố luận tội: Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Kim H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, với mức phạt tiền từ 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) đến 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*).

Lời nói sau cùng: Tại phiên tòa, bị cáo biết hành vi của mình là sai trái vi phạm pháp luật nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 11 tháng 6 năm 2024 đến ngày 23 tháng 8 năm 2024 bị cáo Trần Kim H đã cho 10 người ở xã Phước Minh, huyện T, tỉnh Ninh Thuận vay tiền với lãi suất từ 187,18%/năm đến 935,9%/năm, cao gấp 9,35 lần đến 46,75 lần mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền gốc cho vay là 106.600.000đ (*Một trăm lẻ sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*) và thu lợi bất chính 31.153.096đ (*Ba mươi một triệu một trăm năm mươi ba nghìn không trăm chín mươi sáu đồng*).

Xét thấy hành vi nêu trên của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng và xâm phạm tài sản của người khác nên Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo Trần Kim H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Qua xem xét hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Không cần thiết phải cách ly bị cáo Trần Kim H ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nhằm góp phần về việc tăng thu nộp ngân sách đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế cũng đủ răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là phù hợp với quy định tại Điều 35 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét áp dụng mức phạt dưới khung cho bị cáo là phù hợp với quy định tại Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Biện pháp tư pháp: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 5 của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Buộc bị cáo Trần Kim H nộp lại số tiền 25.046.904đ (*Hai mươi lăm triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm lẻ bốn đồng*) để sung ngân sách Nhà nước, trong đó: Khoản tiền cho vay (tiền gốc) là phương tiện dùng để thực hiện hành vi phạm tội 21.320.000 đồng và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là tiền do phạm tội mà có 3.726.904 đồng.

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc mà bị cáo Trần Kim H đã cho vay để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

Chị Bạch Thị Q, sinh năm: 1962; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận nộp 10.920.000 đồng.

Chị Lê Thị Thu H, sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận nộp 8.840.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị L (tên gọi khác: A), sinh năm: 1967; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận 15.600.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Phụng T (tên gọi khác: Th), sinh năm: 1962; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận nộp 10.400.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị D (tên gọi khác: B), sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận 13.000.000 đồng.

Chị Mai Thị Ph, sinh năm: 1964; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận 7.800.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị S (tên gọi khác: Gái Th2), sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận 5.200.000 đồng.

Chị Báo Thị Tr (tên gọi khác: D), sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận 3.120.000 đồng.

Chị Mai Thị Ch, sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận 7.800.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Ph (tên gọi khác: Th3), sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận 2.600.000đồng.

Buộc bị cáo Trần Kim H trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền 31.153.096 đồng (Đây là số tiền thu lợi bất chính, khoản lãi tương ứng với lãi suất trên 20%/năm). Cụ thể:

Trả lại cho chị Bạch Thị Q, sinh năm: 1962; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 4.930.192 đồng.

Trả lại cho chị Lê Thị Thu H, sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 4.858.740 đồng.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị L (tên gọi khác: A), sinh năm: 1967; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 7.145.205 đồng.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Phụng T (tên gọi khác: Th), sinh năm: 1962; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 2.143.562 đồng.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị D (tên gọi khác: B), sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 2.500.822 đồng.

Trả lại cho chị Mai Thị Ph, sinh năm: 1964; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 1.786.300 đồng.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị S (tên gọi khác: Gái Th1), sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 714.521 đồng.

Trả lại cho chị Báo Thị Tr (tên gọi khác: D), sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 4.572.932 đồng.

Trả lại cho chị Mai Thị Chg, sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 2.143.562 đồng.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc Phg (tên gọi khác: Th2), sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 357.260 đồng.

Cơ quan điều tra Công an huyện T trả lại cho anh Bùi Minh Th, ở thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu AIR BLADE biển kiểm soát 85E1 - 024.20 và 01 (một) Giấy đăng ký xe số 000946; trả lại cho bị cáo Trần Kim H 01 (một) điện thoại di động SAMSUNG GALAXY A14, số IMEI 1: 357368581630696, số IMEI 2: 357497681630692 gắn SIM số thuê bao 0909.022.551 và 0325.844.024. Đây là tài sản không liên quan đến vụ án nên trả lại là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Tạm giữ, đưa vào hồ sơ vụ án 01 (một) cuốn sổ kích thước (13 x 19,5)cm có bìa da màu nâu đen, bên trong có 15 (mười lăm) trang ghi thông tin liên quan đến việc cho vay lãi.

Về án phí: Bị cáo Trần Kim H là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Kim H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Trần Kim H số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 5 của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Trần Kim H nộp lại số tiền 25.046.904đ (*Hai mươi lăm triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm lẻ bốn đồng*) để sung ngân sách Nhà nước, trong đó: Khoản tiền cho vay (tiền gốc) là phương tiện dùng để thực hiện hành vi phạm tội 21.320.000đ (*Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*) và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là tiền do phạm tội mà có 3.726.904đ (*Ba triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm lẻ bốn đồng*).

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc mà bị cáo Trần Kim H đã cho vay để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

1. Chị Bạch Thị Q, sinh năm: 1962; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận nộp 10.920.000đ (*Mười triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

2. Chị Lê Thị Thu H, sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận nộp 8.840.000đ (*Tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*).

3. Chị Nguyễn Thị L (tên gọi khác: A), sinh năm: 1967; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận 15.600.000đ (*Mười lăm sáu trăm nghìn đồng*).

4. Chị Nguyễn Thị Phụng T (tên gọi khác: Th), sinh năm: 1962; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận nộp 10.400.000đ (*Mười triệu bốn trăm nghìn đồng*).

5. Chị Nguyễn Thị D (tên gọi khác: B), sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*).

6. Chị Mai Thị Ph, sinh năm: 1964; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận 7.800.000đ (*Bảy triệu tám trăm nghìn đồng*).

7. Chị Nguyễn Thị S (tên gọi khác: Gái Th1), sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận 5.200.000đ (*Năm triệu hai trăm nghìn đồng*).

8. Chị Báo Thị Tr (tên gọi khác: D), sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận 3.120.000đ (*Ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*).

9. Chị Mai Thị Ch, sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận 7.800.000đ (*Bảy triệu tám trăm nghìn đồng*).

10. Chị Nguyễn Thị Ngọc Ph (tên gọi khác: Th2), sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận 2.600.000đ (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Trần Kim H trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền 31.153.096đ (*Ba mươi một triệu một trăm năm mươi ba nghìn không trăm chín mươi sáu đồng*). Đây là số tiền thu lợi bất chính, khoản lãi tương ứng với lãi suất trên 20%/năm, cụ thể:

1. Trả lại cho chị Bạch Thị Q, sinh năm: 1962; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 4.930.192đ (*Bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn một trăm chín mươi hai đồng*).

2. Trả lại cho chị Lê Thị Thu H, sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 4.858.740đ (*Bốn triệu tám trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi đồng*).

3. Trả lại cho chị Nguyễn Thị L (tên gọi khác: A), sinh năm: 1967; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 7.145.205đ (*Bảy triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm lẻ năm đồng*).

4. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Phụng T (tên gọi khác: Th), sinh năm: 1962; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 2.143.562đ (*Hai triệu một trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng*).

5. Trả lại cho chị Nguyễn Thị D (tên gọi khác: B), sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 2.500.822 đ (*Hai triệu năm trăm nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*).

6. Trả lại cho chị Mai Thị Ph, sinh năm: 1964; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 1.786.300đ (*Một triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm đồng*).

7. Trả lại cho chị Nguyễn Thị S (tên gọi khác: Gái Th1), sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 714.521đ (*Bảy trăm mười bốn nghìn năm trăm hai mươi một đồng*).

8. Trả lại cho chị Báo Thị Tr (tên gọi khác: D), sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 4.572.932đ (*Bốn triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm ba mươi hai đồng*).

9. Trả lại cho chị Mai Thị Ch, sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 2.143.562đ (*Hai triệu một trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng*).

10. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc Ph (tên gọi khác: Th2), sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 357.260đ (*Ba trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng*).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Kim H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa thì có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 05/5/2025).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện T;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Phân trại tạm giam khu vực Thuận Nam;
- CC T.H.A dân sự huyện T;
- Phòng PC01 Công an tỉnh NT;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh NT;
- Bị cáo;
- Người có QL,NV liên quan;
- Lưu hồ sơ, tập bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Tiến